TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2022/DS-ST
Ngày: 10/01/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Việt D**

Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Luận**, Bà **Nguyễn Thị Liên**

Thư ký phiên toà: Ông **Tô Mạnh Hà** – Thư ký TAND huyện Chương Mỹ.

Đại diện VKSND huyện Chương Mỹ tham gia phiên toà: Bà **Đỗ Thị Ly** – Kiểm sát viên.

Ngày 10/01/2022, tại trụ sở TAND huyện Chương Mỹ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụán dân sự sơ thẩm thụ lý số 54/2021/TLST-DS ngày 18/5/2021 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCPVNTV (Vpbank); Địa chỉ: Số 89 LH, phường LH, quận ĐĐ, Tp. HN; Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D– Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Trọng D, sinh năm 1971

2.2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1972

Đăng ký HKTT: Thôn Đ 1, xã ĐPY, CM, HN. Chỗ ở hiện tại: Thôn ĐC, xã TB, huyện CM, HN

Tại phiên tòa có mặt bà Huế.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

I. Trong đơn khởi kiện nộp tại Tòa án và quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:

1. Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

Ngân hàng TMCPVNTV (VPBank) ký kết Hợp đồng tín dụng số LN1805160676002 ngày 19/05/2018 và Hợp đồng tín dụng số

LN1809110919380 ngày 14/09/2018 với vợ chồng ông Nguyễn Trọng D và bà Nguyễn Thị N, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số LN1809110919380 ngày 14/09/2018:

- Số tiền cho vay: 100.000.000 đồng (đã giải ngân theo Khế ước nhận nợ số LN1809110919380 ngày 15/09/2018)
- Thời hạn vay: 120 tháng từ ngày giải ngân 15/09/2018 theo Khế ước nhận nợ số LN1809110919380.
- Lãi suất và kỳ điều chỉnh: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là: 11%/năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng: Lãi suất tiết kiệm thường VNĐ của Bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 5%/năm.
- Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn.
- Mục đích vay: Bổ sung đầu tư TSCĐ phục vụ kinh doanh

Hợp đồng tín dụng số LN1805160676002 ngày 19/05/2018;

- Số tiền cho vay: 400.000.000 đồng (đã giải ngân theo Khế ước nhận nợ số LN1805160676002 ngày 22/05/2018)
- Thời hạn vay: 120 tháng từ ngày giải ngân 22/05/2018 theo Khế ước nhận nợ số LN1805160676002.
- Lãi suất và kỳ điều chỉnh: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là: 12,5%/năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng: Lãi suất tiết kiệm thường VNĐ của Bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 6,5%/năm.
- Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn.
- Mục đích vay: Bổ sung đầu tư TSCĐ phục vụ kinh doanh

Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ số tiền theo hợp đồng tín dụng cho ông Nguyễn Trọng D và bà Nguyễn Thị N.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông D và bà N đã trả cho VPBank số tiền tính đến ngày 10/01/2022 là: 40.779.401 đồng, cụ thể:

Hợp đồng	Hợp đồng LN1809110919380	Hợp đồng LN1805160676002
Nợ gốc	1.666.000	16.688.707
Nợ lãi	1.958.056	20.466.638
Tổng	3.624.056	37.155.345

Tính đến ngày 10/01/2022 VPBank yêu cầu ông Nguyễn Trọng D và bà Nguyễn Thị N phải trả cho ngân hàng tổng số tiền là: 836.755.467đồng. Trong đó gồm: Nợ gốc: 481.645.293 đồng; Lãi trong hạn: 5.345.213 đồng; Lãi quá hạn: 293.582.998 đồng; Lãi phạt chậm trả: 56.181.963 đồng. Tại phiên tòa Ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi phạt chậm trả. Cụ thể yêu cầu ông Nguyễn Trọng D và bà Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng số tiền 780.573.504 đồng (trong đó: nợ gốc là 481.645.293 đồng; Lãi trong hạn: 5.345.213 đồng; Lãi quá hạn: 293.582.998 đồng)

Bị đơn tiếp tục chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ theo mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ các bên đã ký kết: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm nghĩa vụ của người khác, số công chứng: 1514/2018; quyển số 02-2018 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/05/2018 tại Văn phòng công chứng KĐ - thành phố HN công chứng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số: 3, Tờ bản đồ số: 4-2017, địa chỉ: thôn ĐC, xã TB, huyện CM, thành phố HN theo "Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số CH 275702, Số vào sổ cấp GCN:CS-CM04266 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Thành phố HN cấp ngày 16/10/2017 đứng tên bà Nguyễn Thị N.

VPBank khẳng định việc ký Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên là đúng quy định pháp luật. Trong trường hợp ông Nguyễn Trọng D và bà Nguyễn Thị N không trả được nợ, đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp các bên đã ký kết để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông D, bà N phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng.

II. Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Bị đơn thừa nhận có ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Vpbank để vay số tiền là 500.000.000 VNĐ. Mục đích ông D, bà N vay tiền ngân hàng để sự dụng việc gia đình.

Quá trình trả nợ, ông D, bà N đã trả ngân hàng một phần nợ gốc, lãi. Ông D, bà N trình bày nhiều năm nay công việc làm kinh tế gặp khó khăn, thu nhập giảm sút. Ông D, bà N đề nghị các cơ quan và ngân hàng xem xét tạo điều kiện cho bà trả nợ gốc và miễn giảm lãi. Cụ thể việc trả nợ ông bà sẽ thỏa thuận với ngân hàng sau.

Bị đơn xác nhận để vay được số tiền trên tại ngân hàng thì sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất, ông D, bà N đã ký kết: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm nghĩa vụ của người khác, số công chứng: 1514/2018; quyển số 02-2018 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/05/2018 tại Văn phòng công chứng KĐ - thành phố HN công chứng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 3, Tờ bản đồ số 4-2017, địa chỉ: thôn ĐC, xã TB, huyện CM, thành phố HN theo "Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số CH 275702, Số vào sổ cấp GCN:CS-CM04266 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Thành phố HN cấp ngày 16/10/2017 đứng tên bà Nguyễn Thị N.

Quá trình Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp xác định thửa đất số 3, Tờ bản đồ số 4-2017, địa chỉ: thôn ĐC, xã TB, huyện CM, thành phố HN hiện là đất trống, không có ai sinh sống trực tiếp trên đất. Thửa đất hiện do cá nhân ông D, bà N đang quản lý, sử dụng. Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên thể hiện chủ sử dụng là bà Nguyễn Thị N.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Chương Mỹ thể hiện quan điểm:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành tố tụng và thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được Tòa án yêu cầu tham gia đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ;

Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Buộc bị đơn phải trả nguyên đơn toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 10/01/2022 là: 780.573.504 đồng (trong đó: nợ gốc là 481.645.293 đồng; Lãi trong hạn: 5.345.213 đồng; Lãi quá hạn: 293.582.998 đồng). Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phạt lãi chậm trả do nguyên đơn đã rút.

Bị đơn tiếp tục chịu lãi và lãi quá hạn đối với số tiền gốc còn nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ

- Xác định Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất là có hiệu lực pháp luật và có hiệu lực thi hành.

- Bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Bị đơn là bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Trọng D hiện cư trú tại thôn ĐC, xã TB, huyện CM, HN. Do đó, việc Tòa án nhân dân huyện CM thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; thời điểm giao kết Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp thì Bộ luật dân sự năm 2015đang có hiệu lực pháp luật nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông D, bà N vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 BLTTDS, Hội đồng xét xử xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung.

2.1.Xét yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc, tiền lãi trong hạn, quá hạn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1.1 Xét tính hiệu lực của các Hợp đồng tín dụng đã ký kết:

Xét Hợp đồng tín dụng số LN1809110919380 ngày 14/09/2018 và Hợp đồng tín dụng số LN1805160676002 ngày 19/05/2018. Theo đó, số tiền ngân hàng cho ông D, bà N vay tổng số tiền 500.000.000đồng. Nội dung của Hợp đồng tuân thủ các quy định của pháp luật. Xác định Hợp đồng tín dụng số LN1809110919380 ngày 14/09/2018 và Hợp đồng tín dụng số LN1805160676002 ngày 19/05/2018 có hiệu lực pháp luật và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo thoả thuận của Hợp đồng tín dụng.

2.1.2. Xét yêu cầu buộc bị đơn phải trả toàn bộ gốc, lãi phát sinh của nguyên đơn:

Thực hiện các Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng TMCP VNTV đã giải ngân cho ông D, bà N vay đủ số tiền 500.000.000 đồng, bị đơn xác nhận đã nhận đủ. Như vậy Ngân hàng TMCP VNTVđã thực hiện đúng thỏa thuận trong Hợp đồng.

Đến nay ông D, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ theo các kỳ trả nợ quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết và vẫn chưa thanh toán hết khoản vay trên. Như vậy Ông D, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và bị xác định là vi phạm hợp đồng.

Do đó Ngân hàng TMCP VNTV khởi kiện đề nghị buộc ông D, bà N phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ kèm theo là có căn cứ pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về việc rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi phạt chậm trả là 56.181.963 đồng của nguyên đơn. Đây là trường hợp đương sự rút một phần yêu cầu khởi kiện, việc rút yêu cầu là tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận và Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

Theo đó, buộc ông D, bà N phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng TMCP VNTV toàn bộ số tiền còn nợ tính đến 10/01/2022 là: 780.573.504 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 481.645.293 đồng; Lãi trong hạn là 5.345.213 đồng; Lãi quá hạn là 293.582.998 đồng. Cụ thể:

- Hợp đồng LN1809110919380 ông D, bà N phải trả cho Ngân hàng là: 153.217.576 đồng. Trong đó gồm: Nợ gốc 98.334.000 đồng; Lãi trong hạn: 884.874 đồng; Lãi quá hạn: 53.998.702 đồng.

- Hợp đồng LN1805160676002 ông D, bà N phải trả cho Ngân hàng là: 627.355.928 đồng. Trong đó gồm: Nợ gốc 383.311.293 đồng; Lãi trong hạn: 4.460.339 đồng; Lãi quá hạn: 239.584.296 đồng.

Kể từ ngày 11/01/2022, ông D, bà N phải tiếp tục chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký.

2.2. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản:

Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm nghĩa vụ của người khác, số công chứng: 1514/2018; quyển số 02-2018 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/05/2018 tại Văn phòng công chứng KĐ - thành phố HN công chứng.

Theo đó, tài sản bảo đảm cho khoản vay là:Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 3, Tờ bản đồ số 4-2017, địa chỉ: thôn ĐC, xã TB, huyện CM, thành phố HN theo "Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số CH 275702, Số vào sổ cấp GCN:CS-CM04266 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Thành phố HN cấp ngày 16/10/2017 đứng tên bà Nguyễn Thị N.

Khi tham gia ký Hợp đồng thế chấp thì các bên không bị ai ép buộc và trực tiếp ký. Hội đồng xét xử xác định: Các bên khi tham gia ký Hợp đồng thế

chấp tài sản đã thực hiện đúng về hình thức, trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng quy định của pháp luật.Theo đó thoả thuận trong Hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ theo thỏa thuận của Hợp đồng thế chấptài sản.

Do vậy: Yêu cầu của nguyên đơn đề nghị được xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ và phù hợp với thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp được Hội đồng xét xử chấp nhận. Trường hợp ông D, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP VNTV có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số: 3, Tờ bản đồ số: 4-2017, địa chỉ: thôn ĐC, xã TB, huyện CM, thành phố HN để thu hồi khoản nợ.

[3] Về án phí:Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 thì:

- Ông D, bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

-Ngân hàng TMCP VNTV không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 227, khoản 1 và khoản 2 Điều 266, Điều 235, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều: 290,342, 343, 355, 471, 474, 476, 715, 721 Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 317, 318, 463, 466, khoản 1 Điều 292, 293, 295, 298 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 7 Điều 113, Điều 130 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ các Điều: 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 về thi hành luật đất đai năm 2003; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP VNTV.

Buộc ông Nguyễn Trọng D, Bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP VNTV toàn bộ số tiền còn nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết tính đến ngày 10/01/2022 là: 780.573.504 đồng. Cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số LN1809110919380 ngày 14/9/2018 là: 153.217.576 đồng. Trong đó gồm: Nợ gốc: 98.334.000 đồng; Lãi trong hạn: 884.874 đồng; Lãi quá hạn: 53.998.702 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số LN1805160676002 ngày 19/5/2018 là: 627.355.928 đồng. Trong đó gồm: Nợ gốc: 383.311.293 đồng; Lãi trong hạn: 4.460.339 đồng; Lãi quá hạn: 239.584.296 đồng.

Kể từ ngày 11/01/2022 ông Nguyễn Trọng D, Bà Nguyễn Thị N phải tiếp tục chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu phần lãi phạt chậm trả của Ngân hàng TMCP VNTV

3. Về xử lý tài sản thế chấp:

3.1. Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không thanh toán xong khoản nợ thì Ngân hàng TMCP VNTV có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là:Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 3, Tờ bản đồ số 4-2017, địa chỉ: thôn ĐC, xã TB, huyện CM, thành phố HN, theo "Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số CH 275702, Số vào sổ cấp GCN:CS-CM04266 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Thành phố HN cấp ngày 16/10/2017 đứng tên bà Nguyễn Thị N.

3.2. Trường hợp sau khi phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ thì bị đơnvẫn phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc, lãi còn lại cho ngân hàng đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

4. Về án phí:

4.1. Ông D, bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 35.222.000 đồng.

4.2. Trả lại Ngân hàng TMCP VNTV 16.736.000 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CM theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: AA/2020/0075126 ngày 18/5/2021.

Án xử công khai sơ thẩm. Báo cho nguyên đơn, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND TP HN;
- VKSND huyện CM;
- THA huyện CM;
- Các đương sự
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN

Nguyễn Việt Dũng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tiến Lợi **Nguyễn Thị Liên** **Nguyễn Việt D**